

5.3. Phân công thực hiện:**a) Ủy ban Kế hoạch Nhà nước:**

- Dự thảo Nghị định của Chính phủ ban hành điều lệ mẫu của Tổng công ty thay cho Nghị định số 27-HĐBT ngày 22-3-1989.

- Làm đầu mối hướng dẫn các thủ tục sắp xếp doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định này.

- Chủ trì thẩm định các hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp Nhà nước và trình Thủ tướng Chính phủ quyết định theo quy định hiện hành.

b) Bộ Tài chính:

- Hướng dẫn cụ thể chế độ hạch toán của Tổng công ty và các doanh nghiệp thành viên và chế độ hạch toán trong các đơn vị sự nghiệp hoạt động không vì mục đích lợi nhuận.

- Hướng dẫn việc kiểm kê và thủ tục giao nhận vốn phù hợp với quy định hiện hành.

c) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

Tiến hành phân loại, sắp xếp và làm thủ tục thành lập, giải thể doanh nghiệp Nhà nước (trong đó có Tổng công ty) theo đúng quy định hiện hành.

5.4. Tiến độ thực hiện:

- Các văn bản hướng dẫn phải ban hành trước ngày 31 tháng 3 năm 1994.

- Danh mục phân loại Tổng công ty phải hoàn thành và báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 30 tháng 4 năm 1994.

- Những Tổng công ty thuộc loại A: Hoàn thành việc thành lập lại trước ngày 30 tháng 9 năm 1994.

- Những Tổng công ty thuộc loại B: Hoàn thành việc thành lập lại trước ngày 31 tháng 12 năm 1994.

- Những Tổng công ty thuộc loại C: Phải xử lý xong trước ngày 30 tháng 9 năm 1995.

- Trong khi chưa làm xong, thủ tục thành lập lại hoặc giải thể, các Tổng công ty vẫn hoạt động cho đến lúc kết thúc tiến độ quy định trên đây.

Điều 6. - Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy

ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 7. - Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Thủ tướng Chính phủ
VÕ VĂN KIẾT

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 91-TTg ngày 7-3-1994 về việc thí điểm thành lập tập đoàn kinh doanh.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Để tạo điều kiện thúc đẩy tích tụ và tập trung, nâng cao khả năng cạnh tranh đồng thời thực hiện chủ trương xóa bỏ dần chế độ Bộ chủ quản, cấp hành chính chủ quản và sự phân biệt doanh nghiệp trung ương, doanh nghiệp địa phương và tăng cường vai trò quản lý Nhà nước đối với các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, nâng cao hiệu quả của nền kinh tế;

Căn cứ Nghị quyết của Quốc hội tại kỳ họp thứ IV, khóa IX;

Căn cứ kết luận của Chính phủ tại phiên họp ngày 6 tháng 1 năm 1994,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. - Thí điểm thành lập tập đoàn kinh doanh (sau đây gọi là tập đoàn) ở một số Bộ quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật và thành phố Hồ Chí Minh. Việc chọn đơn vị làm thí điểm phải dựa vào một số Tổng công ty, công ty lớn có mối quan hệ theo ngành và vùng lãnh thổ, không phân biệt doanh nghiệp do trung ương hay địa phương quản lý, có vị trí quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, bảo đảm những yêu cầu cần thiết cho thị trường trong nước và có triển vọng mở rộng quan hệ kinh doanh ra ngoài nước. Mỗi tập đoàn có tên giao dịch riêng, nên giữ những tên giao dịch có

uy tín đã quen thuộc trên thị trường trong nước và thế giới.

Điều 2. - Nguyên tắc chủ yếu về tổ chức và hoạt động của tập đoàn:

1. Tập đoàn là pháp nhân kinh tế do Nhà nước thành lập gồm nhiều doanh nghiệp thành viên có quan hệ với nhau về tài chính và các dịch vụ liên quan và có quy mô tương đối lớn;

2. Việc thành lập tập đoàn phải bảo đảm vừa hạn chế độc quyền vừa hạn chế cạnh tranh bừa bãi. Có thể tổ chức theo ba loại:

- Tập đoàn toàn quốc;
- Tập đoàn khu vực;
- Tập đoàn vùng (ở những thành phố lớn).

3. Tập đoàn phải có 7 doanh nghiệp thành viên trở lên và có vốn pháp định ít nhất là 1.000 tỷ đồng;

4. Về nguyên tắc, tập đoàn có thể hoạt động kinh doanh đa ngành song nhất thiết phải có định hướng ngành chủ đạo, mỗi tập đoàn được tổ chức công ty tài chính để huy động vốn, điều hòa vốn phục vụ cho yêu cầu phát triển của nội bộ tập đoàn hoặc liên doanh với các đơn vị kinh tế khác;

5. Hội đồng quản lý của tập đoàn gồm 7 - 9 thành viên do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, có trách nhiệm:

- Thực hiện quyền sử dụng và quản lý các nguồn vốn của Nhà nước, phân giao và điều hòa vốn chung trong nội bộ tập đoàn;

- Quyết định chiến lược phát triển và các phương án kinh doanh của tập đoàn;

- Quyết định phương án tổ chức bộ máy điều hành tập đoàn và đề nghị Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và kế toán trưởng của tập đoàn;

6. Tổng Giám đốc:

- Đại diện pháp nhân của tập đoàn trong quan hệ kinh doanh trước bạn hàng và trước pháp luật;

- Tổ chức xây dựng kế hoạch và điều hành toàn bộ hoạt động của tập đoàn theo quyết định của Hội đồng quản lý;

7. Ban Kiểm soát được thành lập theo quy chế tổ chức của hệ thống kiểm tra, kiểm soát Nhà nước để thực hiện nhiệm vụ kiểm soát hoạt động

của Hội đồng quản lý, bộ máy điều hành tập đoàn và các doanh nghiệp thành viên;

8. Nhiệm vụ và quyền hạn các doanh nghiệp thành viên:

- Thực hiện quyền hạn và trách nhiệm theo điều lệ của tập đoàn;

- Chấp hành luật pháp, chính sách theo quy định của Nhà nước và chịu sự kiểm tra của các cơ quan chức năng có thẩm quyền.

Điều 3. - Tập đoàn hoạt động theo luật pháp và chịu sự kiểm tra và thanh tra của Nhà nước. Các Bộ quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật và các cơ quan quản lý Nhà nước khác, chính quyền Nhà nước ở địa phương chịu trách nhiệm quản lý tập đoàn theo chức năng được pháp luật quy định.

Điều 4. -

- Ủy ban Kế hoạch Nhà nước có nhiệm vụ hướng dẫn việc thí điểm tập đoàn theo Quyết định này; xây dựng quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý, bộ máy điều hành và Ban Kiểm soát tập đoàn;

- Bộ Tài chính có nhiệm vụ hướng dẫn việc sử dụng, quản lý, huy động, điều hòa vốn và chế độ hạch toán của tập đoàn.

Điều 5. - Tiến độ thực hiện:

Quý I-1994: Mỗi Bộ quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật và Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh mỗi nơi chọn một Tổng công ty nòng cốt đề nghị được làm thí điểm, gửi danh sách đến Ủy ban Kế hoạch Nhà nước tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

Quý II-1994:

- Đến giữa quý II-1994, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Bộ Tài chính ban hành xong những văn bản hướng dẫn cần thiết nói tại Điều 4, Quyết định này;

- Cuối quý II-1994, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước thẩm định xong một số đề án thí điểm tập đoàn trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

- Quý III-1994 trở đi đến hết năm 1995: Triển khai thực hiện thí điểm các tập đoàn có đề án được phê duyệt. Cuối 1995 tiến hành tổng kết việc làm thí điểm.

Điều 6. - Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy

ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 7. - Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Thủ tướng Chính phủ
VÔ VĂN KIẾT

CÁC BỘ

BỘ CÔNG NGHIỆP NẶNG

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng số 71-QĐ/QLTN ngày 24-2-1994 ban hành bản Quy định về việc bảo vệ tài nguyên đá quý và môi trường liên quan.

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP NẶNG

Căn cứ Pháp lệnh về Tài nguyên khoáng sản ngày 28-7-1989 và Nghị định số 95-HDBT ngày 25-3-1992 về việc thi hành Pháp lệnh về Tài nguyên khoáng sản;

Căn cứ Quy chế quản lý các hoạt động điều tra địa chất, khai thác mỏ, chế tác và buôn bán đá quý ban hành kèm theo Nghị định số 67-CP ngày 7-10-1993 của Chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. - Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy định về việc bảo vệ tài nguyên đá quý và môi trường liên quan.

Điều 2. - Quyết định này thay thế Quyết định số 103-CNNg/QLTN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng ban hành ngày 13-3-1992.

Điều 3. - Quyết định này có hiệu lực thi hành thống nhất trong cả nước kể từ ngày ký.

Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng
TRẦN LUM

QUY ĐỊNH về việc bảo vệ tài nguyên đá quý và môi trường liên quan.

Căn cứ Pháp lệnh về Tài nguyên khoáng sản ngày 28-7-1989;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 67-CP ngày 7-10-1993 ban hành Quy chế quản lý các hoạt động điều tra địa chất, khai thác mỏ, chế tác và buôn bán đá quý;

Căn cứ Nghị định số 130-HDBT ngày 30-4-1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về chức năng, nhiệm vụ và bộ máy của Bộ Công nghiệp nặng;

Nay quy định về việc bảo vệ tài nguyên đá quý và môi trường liên quan khi điều tra địa chất, thăm dò và khai thác tài nguyên đá quý,

I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. - Tài nguyên đá quý trong phạm vi cả nước, không phân biệt quy mô tập trung lớn hay nhỏ, tồn tại ở sâu hay ở trên mặt đất, đã được hay chưa được điều tra thăm dò địa chất, đang được hay chưa được khai thác, kể cả ở những diện tích đất đai Nhà nước chưa giao cho ai sử dụng cũng như ở những diện tích đất đai Nhà nước đã giao cho các tổ chức, cá nhân sử dụng để trồng trọt, cư trú, xây dựng các công trình kinh tế, xã hội hoặc làm những việc khác theo luật pháp hiện hành đều thuộc vốn tài nguyên quý của Nhà nước do Nhà nước thống nhất quản lý.

Mọi hoạt động điều tra địa chất, thăm dò, khai thác tài nguyên đá quý chỉ được tiến hành sau khi đã có giấy phép do Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng cấp theo quy định hiện hành.

Điều 2. - Yêu cầu bảo vệ tài nguyên đá quý phải đánh giá đúng tiềm năng hoặc trữ lượng của chúng theo mức độ nghiên cứu điều tra địa chất đã tiến hành; ngăn ngừa và xử lý theo pháp luật các hoạt động điều tra địa chất, thăm dò, khai thác trái phép, kể cả việc cho phép thăm dò, khai thác đá quý không đúng thẩm quyền; Thực hiện các biện pháp chống tổn thất quá mức, gây phá hủy các khu vực có tài nguyên đá quý trong quá